

Bản án số: 19/2024/HS-ST

Ngày: 08/5/2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY, TỈNH THANH HOÁ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Ngọc Hoàng; ông Trịnh Huy Phương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Triệu Thị Yên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 16/TLST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2024/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Tá Hồng T, tên gọi khác: Không, sinh ngày 07 tháng 05 năm 1990 tại **thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa**; Nơi cư trú: **Tổ dân phố T, thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Tá S** và bà **Trần Thị L**; có vợ là **Sầm Thị Hồng T1** và 01 con, sinh năm 2021. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/01/2024 đến nay. Có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông **Trần Huy T2**, sinh năm 1995; địa chỉ: **TDP C, thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa**. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người làm chứng: Bà **Vũ Thị L1**, sinh năm 1975; địa chỉ: **TDP C, thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa**. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 27/5/2022 **Nguyễn Tá Hồng T** đã cho anh **Trần Huy T2** vay số tiền 60.000.000 đồng, bằng tiền mặt (không có giấy vay), lãi suất 3.000đ/1 triệu/ ngày, trả lãi theo tháng là

5.400.000 đồng/ tháng, nếu tháng nào trả thiếu hoặc chưa trả được thì tháng sau trả bù hoặc đến khi chốt trả gốc sẽ tính lãi để trả đủ, cụ thể:

- Ngày 27/6/2022 anh T2 chuyển khoản trả lãi số tiền 5.400.000đ;
- Ngày 30/8/2022 anh T2 chuyển khoản trả lãi số tiền 5.400.000đ;
- Ngày 29/10/2022 anh T2 chuyển khoản trả lãi số tiền 5.400.000đ;
- Ngày 28/11/2022 anh T2 chuyển khoản trả lãi tháng 7 và tháng 9/2022 số tiền 10.800.000đ. Riêng tháng 11/2022 thì anh T2 xin trả trước 10.000.000đ tiền gốc nên chưa có tiền để trả lãi cho T, T cho anh T2 khát nợ sẽ lấy sau. Như vậy, tổng số tiền lãi của số tiền vay gốc 60.000.000 đồng là 27.000.000 đồng.

Ngày 30/11/2022 anh T2 nhờ mẹ đẻ là bà Vũ Thị L1 trả cho T 10.000.000đ tiền gốc (trả bằng tiền mặt) nên tiền gốc còn 50.000.000 đồng, lãi suất 3.000.000đ/ 1 triệu/ ngày, anh T2 tiếp tục trả lãi cho T khoản tiền lãi như sau:

- Ngày 30/12/2022 anh T2 chuyển khoản trả lãi số tiền 4.500.000đ;
- Ngày 31/01/2023 anh T2 chuyển khoản trả lãi số tiền 4.500.000đ;
- Ngày 02/3/2023 anh T2 chuyển khoản trả lãi số tiền 4.500.000đ;
- Ngày 05/4/2023 anh T2 chuyển khoản trả lãi số tiền 4.500.000đ;
- Ngày 30/5/2023 anh T2 chuyển khoản trả lãi số tiền 4.500.000đ;
- Ngày 30/6/2023 anh T2 chuyển khoản trả lãi số tiền 5.000.000đ;
- Ngày 03/7/2023 anh T2 chuyển khoản trả lãi số tiền 4.000.000đ;
- Ngày 07/8/2023 anh T2 chuyển khoản trả lãi số tiền 4.500.000đ;

Tháng 10/2023 và ngày 04/10/2023 anh T2 chuyển khoản trả 40.000.000đ, ngày 07/10/2023 anh T2 chuyển khoản trả 6.000.000 đồng; ngày 18/10/2023 anh T2 chuyển khoản trả 5.000.000 đồng; ngày 31/10/2023 anh T2 chuyển khoản trả 3.000.000 đồng. Tổng số tiền trả trong tháng 10/2023 là 54.000.000 đồng (bao gồm 50.000.000 đồng tiền gốc và 4.000.000 đồng tiền lãi của tháng 09/2023), riêng tháng 02/2023 và tháng 10/2023 thì T không tính lãi. Tổng tiền lãi của gói 50.000.000 đồng là 40.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền anh T2 trả lãi cho T trong cả giai đoạn vay trên là 67.000.000đ (Sáu mươi bảy triệu đồng), trong đó: Tổng số tiền lãi tối đa được thu là 15.386.301đ, tổng số tiền thu lợi bất chính đã thu là 51.613.699đ, cao gấp 5,475 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự.

Tại bản Cáo trạng số 22/CT-VKS ngày 09/4/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá truy tố bị cáo Nguyễn Tá Hồng T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm b, điểm i và điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Hình phạt chính: Phạt tiền bị cáo Nguyễn Tá Hồng T từ

50.000.000đ đến 60.000.000đ sung ngân sách Nhà nước. Truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền cho vay 60.000.000đ và 15.386.301 đồng tiền lãi. Về tiền thu lợi bất chính: Bị cáo đã trả đủ cho anh **T2** nên không đề cập giải quyết; Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo **Nguyễn Tá Hồng T** đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh **Trần Huy T2** trong qua trình điều tra trình bày: Giữa bị cáo **T** và anh có mối quan hệ quen biết, năm 2022 anh có việc riêng cần giải quyết nên có đến vay tiền với **T** số tiền 60.000.000đ với lãi suất 3.000đ/01 ngày. Việc vay mượn là tự nguyện và anh đã trả đủ tiền gốc và tiền lãi cho **T**. **T** cũng đã trả lại tiền chênh lệch về lãi suất, anh không có yêu cầu đề nghị gì. Ngày 06/5/2024, anh **T2** có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo **T**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện C**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Vì vậy, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng: Trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai, được Cơ quan điều tra tiến hành lấy lời khai theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử theo quy định.

[3] Tại phiên tòa bị cáo **Nguyễn Tá Hồng T** khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nên Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Vì mục đích tư lợi nên từ ngày 27/5/2022 đến ngày **31/10/2023**, **Nguyễn Tá Hồng T** đã có hành vi cho anh **Trần Huy T2** vay số tiền 60.000.000đ (*Sáu mươi triệu đồng*) (không có giấy vay), lãi suất 3.000.000đ/triệu/ngày, tương đương mức lãi suất (109,5%/ năm), cao gấp 5,475 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự. Đến ngày **31/10/2023** anh **T2** đã trả tổng số tiền lãi là 67.000.000đ. Số tiền lãi **T** được thu theo quy định của Bộ luật dân sự là 15.386.301đ; số tiền **T** thu lợi bất chính là **51.613.699đ** (*Năm mươi một triệu sáu trăm mười ba nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng*). Hành vi của bị cáo **Nguyễn Tá Hồng T** đã đủ yếu tố cấu thành tội:

“Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, quản lý tiền tệ. Bằng việc kinh doanh tiền tệ bất hợp pháp thông qua hình thức cho vay lãi nặng, bị cáo đã lợi dụng việc người vay cần vay tiền ép họ phải chịu lãi suất cao để trục lợi, gây thiệt hại về vật chất cho người vay và làm ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, Do đó, cần có hình phạt nghiêm đối với bị cáo để giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; Phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tự nguyện khắc phục hậu quả; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Các tình tiết giảm nhẹ trên được quy định tại điểm b, điểm i và điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên xử bị cáo hình phạt chính là hình phạt tiền là phù hợp.

[6] Các biện pháp tư pháp:

Đối với số tiền 60.000.000đ **Nguyễn Tá Hồng T** cho anh **T2** vay ngày 27/5/2022: Đây là phương tiện phạm tội nên cần truy thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm mà bị cáo **T** đã nhận của anh **T2** với số tiền 15.386.301đ. Đây là số tiền lãi phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần truy thu của bị cáo để sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền thu lời bất chính 51.613.699đ (*Năm mươi một triệu sáu trăm mười ba nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng*). Bị cáo **T** đã tự nguyện trả lại cho anh **T2**, anh **T2** đã nhận đủ và không yêu cầu đề nghị gì.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm b, điểm i và điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 35; **Điều 46; Điều 47; Điều 48; Điều 50** của Bộ luật Hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Tá Hồng T** phạm tội "Cho vay lãi nặng trong

giao dịch dân sự".

Phạt tiền bị cáo **Nguyễn Tá Hồng T** 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Truy thu để nộp ngân sách Nhà nước đối với bị cáo **Nguyễn Tá Hồng T** các khoản tiền sau: Số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu) đồng mà bị cáo **T** cho anh **T2** vay; tiền lãi tương ứng với mức lãi xuất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà bị cáo đã thu của anh **Trần Huy T2** số tiền 15.386.301đ (Mười lăm triệu, ba trăm tám mươi sáu nghìn, ba trăm lẻ một) đồng. Tổng cộng là 75.386.301đ (*Bảy mươi lăm triệu, ba trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm lẻ một*) đồng.

Về án phí: Bị cáo **Nguyễn Tá Hồng T** phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo **Nguyễn Tá Hồng T** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh **Trần Huy T2** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND H. Cẩm Thủy;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS H. Cẩm Thủy;
- Các cơ quan hữu quan;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh

Khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm mà bị cáo nhận từ những người vay tương đương với số tiền 74.501.000 đồng là tiền phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền gốc mà những người vay chưa trả cho bị cáo, cần buộc nộp vào ngân sách Nhà nước. Cụ thể: Chị **Nguyễn Thị V** H phải nộp 400.000.000 đồng, anh **Đổng Văn H** phải nộp 25.000.000 đồng vào ngân sách Nhà nước.

- Về tiền thu lợi bất chính: Bị cáo **Nguyễn Mạnh T3** phải trả lại cho chị **Nguyễn Thị V** H số tiền 297.733.000 đồng; trả lại cho anh **Đổng Văn H** số tiền 20.000.000 đồng; trả lại cho chị **Nguyễn Thị H1** số tiền 33.666.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 cặp nhựa màu xanh bên trong có 35 tờ mẫu giấy vay tiền (chưa ghi tên người vay) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Tịch thu sung công số tiền 36.000.000 đồng đang tạm giữ tại tài khoản của cơ quan **Công an huyện C**, tỉnh Thanh Hoá.

Đối với **Nguyễn Thị M**, **Lương Thị Tuyết M1**, **Phạm Đức T4**, **Hoàng Thị Hoài T5** có viết giấy vay tiền của **T6** Tuy nhiên, qua xác minh, những người trên không có mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ có căn cứ sẽ xử lý sau.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

1 Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện C**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố

tụng hình sự. Vì vậy, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

2 Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Đồng Văn H và chị Nguyễn Thị H1 vắng mặt, không có lý do. Xét thấy, những người này đã được Tòa án triệu tập hợp lệ; tại phiên tòa, bị cáo, Kiểm sát viên đều đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vì trước đó họ đã có lời khai tại cơ quan điều tra, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

- Về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo:

3 Về tội danh: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vật chứng thu giữ là các giấy vay tiền, sổ ghi tiền nợ gốc, nợ lãi và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nên đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2019 đến tháng 01/2021, Nguyễn Mạnh T3 đã cho chị Nguyễn Thị V H vay tiền có trả lãi là 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày, tương ứng với mức lãi suất 108%/năm, gấp 5,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm). Nguyễn Mạnh T3 đã cho anh Đồng Văn H, chị Nguyễn Thị H1 vay tiền có trả lãi là 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày, tương ứng với mức lãi suất 180%/năm, gấp 9 lần mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm). Cụ thể, bị cáo đã cho chị Nguyễn Thị V H vay tổng cộng 620.000.000 đồng; anh Đồng Văn H vay 25.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị H1 vay tổng cộng 40.000.000 đồng. Tổng số tiền T cho vay là 685.000.000 đồng; thu lãi tổng số tiền là 425.900.000 đồng (trong đó T thu lãi của chị Nguyễn Thị V H là 365.400.000 đồng, thu lãi của anh Đồng Văn H và chị Nguyễn Thị H1 là 60.500.000 đồng). Quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy trong truy tố bị cáo tại Cáo trạng chính xác về số tiền thu lãi, tiền thu lợi bất chính nhưng tính chưa đúng về mức lãi suất %/năm mà bị cáo cho người vay vay tiền.

[3.1] Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự cho phép các bên thỏa thuận về lãi suất cho vay nhưng không được vượt quá là 20%/năm, tương ứng 1,667%/tháng của khoản tiền vay. Như vậy, trong tổng số tiền lãi 425.900.000 đồng (trong đó 365.400.000 đồng tương ứng lãi suất 108%/1 năm

và 60.500.000 đồng tương ứng lãi suất 180%/1 năm) thì có 20% lãi suất hợp pháp. Vì vậy, tiền thu lời bất chính cần phải trừ đi số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất hợp pháp 20%/1 năm của số tiền cho vay để xác định trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Cụ thể:

[3.2] + Tiền lãi bị cáo đã nhận của chị **Nguyễn Thị V H** lần 1 là 59.400.000 đồng trong 03 tháng (tháng 11, 12/2019 + tháng 01/2020). Khoản tiền tương ứng với mức lãi suất hợp pháp 20%/1 năm là: $1,667\% \times 220.000.000 \text{ đồng} \times 03 \text{ tháng} = 11.000.000 \text{ đồng}$. Số tiền thu lời bất chính là: $59.400.000 \text{ đồng} - 11.000.000 \text{ đồng} = 48.400.000 \text{ đồng}$.

[3.3] Tiền lãi bị cáo nhận của chị **V Hà** lần 2 là 162.000.000 đồng trong 06 tháng (tháng 4/2020 đến tháng 9/2020). Khoản tiền tương ứng với mức lãi suất hợp pháp 20%/1 năm là: $1,667\% \times 300.000.000 \text{ đồng} \times 06 \text{ tháng} = 30.000.000 \text{ đồng}$. Số tiền thu lời bất chính được xác định: $162.000.000 \text{ đồng} - 30.000.000 \text{ đồng} = 132.000.000 \text{ đồng}$.

[3.4] Tiền lãi bị cáo nhận của chị **V H2** lần 3 là 144.000.000 đồng trong 04 tháng (tháng 10/2020 đến tháng 01/2021). Khoản tiền tương ứng với mức lãi suất hợp pháp 20%/1 năm là: $1,667\% \times 400.000.000 \text{ đồng} \times 04 \text{ tháng} = 26.667.000 \text{ đồng}$. Số tiền thu lời bất chính được xác định: $144.000.000 \text{ đồng} - 26.667.000 \text{ đồng} = 117.333.000 \text{ đồng}$.

[3.5] Tổng số tiền lãi chị **Việt H3** đóng cho T từ các khoản vay nêu trên là 365.400.000 đồng. Tổng số tiền T thu lợi bất chính của chị H là 297.733.000 đồng.

[4] + Tiền lãi bị cáo đã nhận của Đồng Văn H là 22.500.000 đồng trong 06 tháng (tháng 8/2020 đến tháng 01/2021). Khoản tiền tương ứng với mức lãi suất hợp pháp 20%/1 năm là: $1,667\% \times 25.000.000 \text{ đồng} \times 06 \text{ tháng} = 2.500.000 \text{ đồng}$. Số tiền thu lời bất chính được xác định: $22.500.000 \text{ đồng} - 2.500.000 \text{ đồng} = 20.000.000 \text{ đồng}$.

[5] + Tiền lãi bị cáo đã nhận của chị **Nguyễn Thị H1** lần 1 là 15.000.000 đồng trong 05 tháng (tháng 5/2019 đến tháng 9/2019). Khoản tiền tương ứng với mức lãi suất hợp pháp 20%/1 năm là: $1,667\% \times 20.000.000 \text{ đồng} \times 05 \text{ tháng} = 1.667.000 \text{ đồng}$. Số tiền thu lời bất chính được xác định: $15.000.000 \text{ đồng} - 1.667.000 \text{ đồng} = 13.333.000 \text{ đồng}$.

[5.1] Tiền lãi bị cáo đã nhận của chị **Nguyễn Thị H1** lần 2 là 23.000.000 đồng trong 08 tháng (tháng 11/2019 đến tháng 6/2020). Khoản tiền tương ứng với mức lãi suất hợp pháp 20%/1 năm là: $1,667\% \times 20.000.000 \text{ đồng} \times 08 \text{ tháng} =$

2.667.000 đồng. Số tiền thu lời bất chính được xác định: 15.000.000 đồng - 2.667.000 đồng = 20.333.000 đồng.

[5.2] Tổng số tiền lãi chị H đóng cho T là: 38.000.000 đồng. Tổng số tiền T thu lợi bất chính của chị H là 33.666.000 đồng.

6 Như vậy, tổng số tiền bị cáo thu lời bất chính từ việc cho 03 người vay là: 297.733.000 đồng + 20.000.000 đồng + 33.666.000 đồng = 351.399.000 đồng. Hành vi của bị cáo **Nguyễn Mạnh T3** đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Việc truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá đối với bị cáo về tội danh cũng như điếu luật áp dụng là có cơ sở và đúng với quy định của pháp luật.

7 Tính chất vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính mà hành vi phạm tội của bị

cáo còn làm cho người vay lâm vào hoàn cảnh khó khăn do phải trả lãi quá cao, làm ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng chống các tệ nạn xã hội. Do đó, phải xem xét, xử lý nghiêm bị cáo theo quy định của pháp luật.

8 Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo cho chị **Nguyễn Thị Việt H4** vay lãi 03 lần, cho anh Đồng Văn H vay lãi 01 lần và cho chị **Nguyễn Thị H4** vay lãi 02 lần; mỗi lần cho vay mức lãi suất đều gấp 05 lần trở lên theo quy định của Bộ luật Dân sự; tổng số tiền thu lợi bất chính trên 100.000.000 đồng. Vì vậy, lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

9 Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã nộp 200.000.000 đồng trước khi xét xử để khắc phục hậu quả; bố đẻ của bị cáo là ông **Nguyễn Văn H5** được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhì và được Bộ trưởng **Bộ Q** tặng Bằng khen nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

10 Xét thấy, bị cáo trong một khoảng thời gian dài cho nhiều người vay tiền với mức lãi suất cao để thu lời bất chính. Tuy nhiên, việc cho vay và vay giữa bị cáo và những người vay là hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc, bị cáo có điều kiện để thi hành hình phạt chính là hình phạt tiền. Do đó, áp dụng hình phạt chính đối với bị cáo là hình phạt tiền như đề nghị của Viện Kiểm sát là có căn cứ, đảm bảo theo quy định của pháp luật; đủ tính răn đe, giáo dục bị cáo ý thức tuân theo pháp luật và đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng ngừa chung.

11 Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có việc làm ổn định, phải nộp vào ngân sách Nhà nước và trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan số tiền lớn và đã áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự

12 Đối với số tiền gốc **Nguyễn Mạnh T3** cho vay: Đây là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Bị cáo T phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền gốc cho vay đã nhận lại từ chị **Việt H3** là 220.000.000 đồng, chị H là 40.000.000 đồng; tổng cộng là 260.000.000 đồng.

13 Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm mà bị cáo nhận từ những người vay tương đương với số tiền 74.501.000 đồng theo quy định của Bộ luật Dân sự, khoản tiền lãi này không tính vào để định tội cho bị cáo. Tuy nhiên, đây là số tiền lãi phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

14 Như vậy, tổng số tiền bị cáo **Nguyễn Mạnh T3** phải nộp vào ngân sách Nhà nước là 334.501.000 đồng. Vợ bị cáo T đã nộp 36.000.000 đồng là tiền chị **Việt H3** trả lãi tháng 01/2021 và bị cáo đã nộp 200.000.000 đồng khắc phục hậu quả nên tổng số tiền bị cáo đã nộp là 236.000.000 đồng sẽ được đối trừ vào tiền xử phạt và tiền tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước mà bị cáo phải nộp.

15 Đối với số tiền gốc (tiền cho vay) mà những người vay chưa trả cho bị cáo; cụ thể: chị **Nguyễn Thị V** H chưa trả 400.000.000 đồng, anh Đồng Văn H chưa trả 25.000.000 đồng. Đây tiền bị cáo sử dụng là phương tiện để thực hiện tội phạm. Bởi vậy, không buộc chị **Việt H3**, anh Đồng Văn H phải trả lại số tiền trên cho bị cáo mà buộc chị **Việt H3** và anh H phải nộp vào ngân sách Nhà nước.

16 Về tiền thu lợi bất chính: Để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người vay cần buộc bị cáo phải trả lại cho người vay số tiền lãi đã thu từ mức lãi suất 21% trở lên. Cụ thể: Bị cáo **Nguyễn Mạnh T3** phải trả lại cho chị **Nguyễn Thị V** H số tiền 297.733.000 đồng; trả lại cho anh Đồng Văn H số tiền 20.000.000 đồng; trả lại cho chị **Nguyễn Thị H4** số tiền 33.666.000 đồng; tổng cộng 351.399.000 đồng.

17 Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 cặp nhựa màu xanh bên trong có 35 tờ mẫu giấy vay tiền (chưa ghi tên người vay) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

[17.1] Tịch thu sung công số tiền 36.000.000 đồng đang tạm giữ tại tài khoản của cơ quan **Công an huyện C**, tỉnh Thanh Hoá theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 07/4/2021 của **Kho bạc Nhà nước thành phố H**.

18 Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản tiền thu lợi bất chính phải trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là: $5\% \times 351.399.000 \text{ đồng} = 17.569.950$ (làm tròn 17.570.000 đồng); tổng cộng là 17.770.000 đồng.

19 Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được kháng cáo phần liên quan theo quy định của pháp luật.

20 Đối với Nguyễn Thị M, Lương Thị Tuyết M1, Phạm Đức T4, Hoàng Thị Hoài T5 có viết giấy vay tiền của T6 Tuy nhiên, qua xác minh, những người trên không có mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ có căn cứ sẽ xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Mạnh T3 230.000.000 (Hai trăm ba mươi triệu) đồng về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Buộc bị cáo Nguyễn Mạnh T3 phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền gốc cho vay đã nhận lại từ những người vay là 260.000.000 (Hai trăm sáu mươi triệu) đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Mạnh T3 phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm mà bị cáo nhận từ những người vay là 74.501.000 (Bảy mươi tư triệu năm trăm linh một nghìn) đồng.

Tổng cộng số tiền bị cáo Nguyễn Mạnh T3 phải nộp 564.501.000 đồng; bị cáo đã nộp 236.000.000 đồng (theo Biên lai thu tiền số 6144 ngày 19/4/2021 số tiền 100.000.000 đồng; Biên lai thu tiền số 6261 ngày 14/5/2021 số tiền 100.000.000 đồng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Thủy và Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 07 tháng 4 năm 2021 của Kho bạc Nhà nước thành phố H số tiền 36.000.000 đồng) nên còn phải nộp 328.501.000 (Ba trăm hai mươi tám triệu năm trăm linh một nghìn) đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

Buộc chị Nguyễn Thị V H phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng

Buộc anh Đồng Văn H phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 25.000.000

(Hai mươi lăm triệu) đồng.

Buộc bị cáo **Nguyễn Mạnh T3** phải trả lại cho chị **Nguyễn Thị V** H số tiền 297.733.000 (Hai trăm chín mươi bảy triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn) đồng; trả lại cho anh **Đồng Văn H** số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng; trả lại cho chị **Nguyễn Thị H4** số tiền 33.666.000 (Ba mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 cặp nhựa màu xanh bên trong có 35 tờ mẫu giấy vay tiền (chưa ghi tên người vay) theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 07 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá.

Tịch thu sung công số tiền 36.000.000 đồng của **Nguyễn Mạnh T3** đang tạm giữ tại tài khoản của cơ quan **Công an huyện C**, tỉnh Thanh Hoá theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 07 tháng 4 năm 2021 của **Kho bạc Nhà nước thành phố H**.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo **Nguyễn Mạnh T3** phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 17.570.000 đồng (làm tròn) án phí dân sự sơ thẩm; tổng cộng là 17.770.000 đồng.

Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo **Nguyễn Mạnh T3** được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị **Nguyễn Thị V** H được quyền kháng cáo bản án về phần liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh **Đồng Văn H**, chị **Nguyễn Thị H4** được quyền kháng cáo bản án về phần liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hoá;
- Trại tạm giam - Công an tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND H. Cẩm Thủy;
- Nhà Tạm giữ - Công an H. Cẩm Thủy;
- CQTHAHS - Công an H. Cẩm Thủy;
- CQĐT - Công an H. Cẩm Thủy;
- Chi cục THADS H. Cẩm Thủy;
- Bộ phận Thi hành án - Tòa án;
- Bị cáo; Bị hại; Dương sự;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trọng Sơn